

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2.000

SỞ XÂY DỰNG TỈNH SÓC TRĂNG

ĐẾN Số.....6259.....
Ngày.....31/12/19.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Chuyển:..... Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Lưu Hồ Sơ Số:..... Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Sóc Trăng đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2.000;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2.000, với nội dung như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Quy hoạch phân khu thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2.000.

2. Phạm vi ranh giới, quy mô khu vực lập quy hoạch:

- Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm toàn bộ thị trấn Mỹ Xuyên (hiện hữu), huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng với diện tích 1.495,11ha, có phạm vi ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Bắc và Tây Bắc: Giáp ranh thành phố Sóc Trăng.
- + Phía Đông và phía Nam: Giáp ranh huyện Trần Đề.
- + Phía Tây và Tây Nam: Giáp xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên.
- Khu vực nghiên cứu trực tiếp: Là khu vực trung tâm thị trấn với các chỉ tiêu hạ tầng kinh tế xã hội đảm bảo theo tiêu chí đô thị loại II, diện tích khoảng 725,6ha.

3. Tính chất khu vực lập quy hoạch:

- Là phân khu có vai trò thúc đẩy sự phát triển đô thị phía Đông Nam của thành phố Sóc Trăng.
- Là trung tâm phát triển kinh tế, giáo dục, văn hoá xã hội. Định hướng phát triển các khu ở đô thị và các công trình thương mại, dịch vụ đô thị của khu vực từng bước đáp ứng theo tiêu chí đô thị loại II trong tương lai.

4. Các chỉ tiêu cơ bản:

a. Dự báo về quy mô dân số: Dự báo quy mô dân số khu vực nghiên cứu quy hoạch như sau:

- Dân số hiện trạng năm 2019 là 20.237 người.
- Dự báo đến năm 2025, dân số toàn đô thị khoảng 23.606 người.
- Dự báo đến năm 2035, dân số toàn đô thị khoảng 31.418 người.

b. Các chỉ tiêu cơ bản về đất đai:

STT	Loại đất	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	
			Min	Max
1	Đất xây dựng đô thị bình quân	m ² /người	180	230
2	Đất dân dụng đô thị	m ² /người	150	170
3	Đất đơn vị ở	m ² /người	8	50
4	Đất công trình dịch vụ công cộng đô thị	m ² /người	4	≥5
5	Đất cây xanh công cộng đô thị	m ² /người	5	≥6

c) Các chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: 150 lít/người - ngày - đêm.
- Chỉ tiêu thoát nước thải: 80% lượng nước cấp sinh hoạt.
- Chỉ tiêu phụ tải cấp điện sinh hoạt: 500 W/người
- Chỉ tiêu thu gom chất thải rắn: 1,0 kg/người - ngày. Đảm bảo tỷ lệ thu gom chất thải rắn theo quy định; chất thải rắn nguy hại phải được phân loại, thu gom và xử lý riêng.

5. Định hướng quy hoạch phân khu:

5.1. Phân khu chức năng: Bao gồm các khu chức năng chính sau:

- Khu hiện trạng cải tạo chỉnh trang.
- Các đơn vị ở quy hoạch mới.
- Công trình công cộng.
- Công trình thương mại - dịch vụ khác.

- Khu kho tàng, bến bãi, dịch vụ cảng.
- Đất hỗn hợp.
- Đất dự trữ phát triển.
- Cây xanh công viên, thể dục thể thao; cây xanh cách ly.
- Các khu chức năng ngoài dân dụng khác (như: quốc phòng an ninh, tôn giáo tín ngưỡng, ...).
- Giao thông và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

5.2. Tổ chức không gian và phân vùng phát triển: Hướng phát triển chính đối với khu vực quy hoạch là hướng Bắc và Đông Bắc tiếp giáp với thành phố Sóc Trăng. Trên cơ sở hướng phát triển được xác định, toàn bộ khu vực quy hoạch được phân chia thành 05 khu vực phát triển như sau:

- Khu vực phát triển phía Bắc, với quy mô diện tích là 276,3ha: Định hướng phát triển chính là cải tạo, chỉnh trang khu vực đô thị hiện hữu; đầu tư xây dựng mới khu vực đô thị giáo dục cấp tỉnh kết hợp không gian mở là khu công viên cây xanh trung tâm có tác dụng điều hòa vi khí hậu, đáp ứng nhu cầu văn hóa - thẩm mỹ cho đô thị.

- Khu vực phát triển phía Đông - Bắc, với quy mô diện tích là 182,3ha: Định hướng là khu vực tập trung phát triển về kho tàng, bến bãi kết hợp dịch vụ cảng và các dịch vụ khác, do có vị trí thuận lợi tiếp giáp sông lớn (Sông Saintard - kênh Phú Hữu Bãi Xàu) và trực phát triển kinh tế từ thành phố Sóc Trăng đến vùng trọng điểm Tôm - Lúa.

- Khu vực phát triển phía Tây - Bắc, với quy mô diện tích là 193,6ha: Định hướng phát triển trên cơ sở kết nối với thành phố Sóc Trăng thông qua tuyến đường An Dương Vương và Đường N2; tạo điều kiện phát triển đô thị, xây dựng các khu dân cư hiện đại với nhiều loại nhà ở kết hợp, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật tốt, đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư xây dựng đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân.

- Khu vực phát triển phía Tây - Nam, với quy mô diện tích là 297,3ha: Đây là khu vực tập trung nhiều công trình tôn giáo mang đậm nét văn hóa của ba dân tộc Kinh, Hoa và Khmer; định hướng phát triển cải tạo chỉnh trang các khu vực hiện trạng kết hợp với các công trình dân dụng phục vụ phát triển du lịch tâm linh.

- Khu vực phát triển phía Đông - Nam, với quy mô diện tích là 545,6ha: Định hướng phát triển chính là cải tạo, chỉnh trang khu vực đô thị hiện hữu; bố trí quy hoạch khu đất hỗn hợp để phát triển các công trình dân dụng (công trình công cộng, nhà ở hỗn hợp) và các công trình dịch vụ đô thị khác tạo động lực phát triển đô thị vùng phía Nam.

5.3. Tổ chức quy hoạch các khu chức năng chủ yếu của khu vực quy hoạch:

- Đất đơn vị ở: Bao gồm đất hiện trạng cải tạo chỉnh trang, đất hiện trạng ven sông, đất quy hoạch các đơn vị ở mới. Định hướng chung đối với các khu chức năng này là cải tạo, chỉnh trang các công trình hiện có theo quy hoạch (quản lý việc tuân thủ chỉ giới xây dựng các công trình, chỉnh trang về kiến trúc...) bổ sung các khu chức năng ở mới, nâng cấp hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật đồng

bộ; hạn chế san lấp ao hồ, kênh mương, kiểm soát không gian kiến trúc cảnh quan đi đôi với bảo tồn, khai thác các kiến trúc truyền thống, giữ gìn giá trị văn hóa đặc trưng.

- Công trình công cộng, dịch vụ đô thị khác: Bao gồm các công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại và các công trình dịch vụ đô thị khác ... được bố trí dọc theo các trục đường chính nhằm tạo giao thông thuận lợi về tiếp cận, đảm bảo khoảng cách phục vụ; đồng thời tạo điểm nhấn cho không gian đô thị. Bên cạnh định hướng quy hoạch bổ sung mới các công trình công cộng, dịch vụ đô thị đáp ứng các tiêu chí theo đô thị loại II, các công trình hiện hữu được tiếp tục giữ lại sử dụng, trong tương lai khi mở thành phố Sóc Trăng, có thể chuyển đổi công năng tạo quỹ đất để đáp ứng yêu cầu phát triển mới.

- Các khu chức năng hỗn hợp: Định hướng phát triển các khu chức năng này đáp ứng yêu cầu về sử dụng đất hỗn hợp, đảm bảo đáp ứng linh hoạt và năng động cho nhu cầu phát triển đô thị như: các công trình phục vụ nhu cầu ở, các công trình công cộng, công trình dân dụng, công trình kết hợp thương mại - dịch vụ, phục vụ du lịch, ...

- Khu chức năng kho tàng, bến bãi, dịch vụ cảng: Đây là khu vực có vị trí chiến lược quan trọng tập trung phát triển về kho tàng, bến bãi, dịch vụ cảng và các dịch vụ khác theo định hướng phát triển của đề án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Sóc Trăng.

- Khu công viên cây xanh, thể dục thể thao: Đây là khu chức năng được quy hoạch mới, nhằm đáp ứng tiêu chí về diện tích cây xanh đô thị đảm bảo theo tiêu chí đô thị loại II; đồng thời, tạo dựng các không gian mở đô thị hình thành nên kiến trúc cảnh quan mang nét đặc trưng cho đô thị; đây còn là khu công viên cây xanh kết hợp với thể dục thể thao ngoài trời, đáp ứng yêu cầu tập luyện, nâng cao sức khỏe người dân.

- Các khu đất dự trữ phát triển: Định hướng các khu vực này theo hướng tiếp tục sử dụng với chức năng hiện trạng; trong tương lai sẽ là đất dự trữ để phát triển thành các khu chức năng đô thị nhằm đáp ứng nhu cầu đất ở khi dân số tăng cao hoặc phát triển các công trình công cộng - thương mại - dịch vụ khác, các công trình cơ sở hạ tầng,... tùy theo tình hình phát triển thực tế của khu vực; đồng thời tạo quỹ đất chủ động thu hút đầu tư phát triển.

- Các khu chức năng ngoài dân dụng khác (như: quốc phòng an ninh, tôn giáo tín ngưỡng, ...) không nghiên cứu đề xuất trong đề án quy hoạch, đối với các chức năng này được quản lý theo pháp luật có liên quan của từng loại công trình.

5.4. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

a. Các trục đường chính - trục cảnh quan chính đô thị:

- Tuyến Đường tỉnh 934 cũ (đường Lê Hồng Phong nối dài) - Đường huyện 56, đây là đường chính đô thị theo hướng Bắc - Nam, kết nối giao thông từ thành phố Sóc Trăng qua khu vực quy hoạch đi về thị trấn mới của huyện. Trên trục đường bố trí các công trình công cộng, trong đó có cụm công trình đô thị giáo dục cấp tỉnh làm điểm nhấn đặc trưng cho khu vực.

- Tuyến đường An Dương Vương - đường Triệu Nương - Đường tỉnh 934; đây là trục đường chính đô thị theo hướng Đông - Tây. Trên trục đường là các khu dân cư hiện hữu cải tạo, chỉnh trang kết hợp cây xanh đường phố tạo mỹ quan cho khu vực lõi trung tâm hiện hữu.

- Tuyến đường Lê Lợi - Đường N2 kết nối với đường quy hoạch phân khu phường 10, trên trục đường có các khu chức năng như khu dân cư hiện hữu, các khu đất hỗn hợp và dự trữ tạo điều kiện phát triển các công trình công cộng, thương mại - dịch vụ đô thị gắn kết với thành phố Sóc Trăng.

- Tuyến vành đai mới (Đường D1 - Đường N6) vừa là trục giao thông quan trọng nhằm giảm áp lực giao thông vào khu vực lõi trung tâm hiện hữu, vừa là trục cảnh quan, vành đai xanh của khu vực quy hoạch.

- Tuyến Đường D7 và Đường D8 dọc theo sông Saintard - kênh Phú Hữu Bãi Xàu, sử dụng giải pháp bố trí kết hợp các tuyến cây xanh đường phố với các thảm cây xanh tạo thành trục cảnh quan ven sông mang nét đặc trưng riêng biệt cho khu quy hoạch.

- Tuyến Đường D3 vừa đóng vai trò là trục cảnh quan chính trong khu đô thị giáo dục, vừa góp phần giảm áp lực về giao thông cho khu vực lõi trung tâm hiện hữu.

b. Các không gian mở đô thị:

- Khu đô thị giáo dục kết hợp khu công viên trung tâm thuộc khu vực phát triển phía Bắc; đây là nơi diễn ra các hoạt động sinh hoạt cộng đồng ngoài trời kết hợp với định hướng phát triển khu đô thị giáo dục hiện đại, trở thành động lực thúc đẩy cho khu vực phát triển phía Bắc nói riêng và toàn khu vực lập quy hoạch nói chung.

- Khu công viên cây xanh - thể dục thể thao thuộc khu vực phát triển phía Đông - Nam, đóng vai trò tạo không gian mở cho khu vực trung tâm hiện hữu; góp phần chỉnh trang mỹ quan đô thị, cải tạo vi khí hậu, đồng thời là nơi phục vụ các hoạt động thể dục thể thao ngoài trời của cộng đồng dân cư.

- Các vùng cảnh quan dọc theo các tuyến sông, kênh, rạch; định hướng trồng cây theo tuyến kết hợp với các mảng xanh làm tăng khả năng điều hòa vi khí hậu của khu vực. Với việc tăng cường trồng cây hai bên bờ, cho phép các dải thực vật xen kẽ len lỏi vào đô thị, gắn chặt hình ảnh con sông vào lòng đô thị, hình thành hệ thống hành lang bảo vệ sông ngòi, kênh rạch. Hệ thống cây xanh, cảnh quan... được thiết kế theo nguyên tắc hỗ trợ cho các công trình. Khuyến khích tổ chức các loại cây điển hình, truyền thống của vùng miền.

c. Các điểm nhấn cảnh quan đô thị: Các điểm nhấn cảnh quan cho đô thị bao gồm:

- Cụm công trình đô thị giáo dục cấp tỉnh.
- Các công trình dịch vụ đô thị thuộc các khu chức năng hỗn hợp.
- Các điểm nhấn cửa ngõ vào khu quy hoạch theo đường vành đai mới tại những nút giao cắt với các tuyến đường chính đô thị.
- Các không gian mở đô thị.

- Hệ thống các mảnh xanh, hành lang cây xanh dọc các trục đường chính, trục cảnh quan của đô thị.

5.5. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
A	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	724,83	100,00
I	ĐẤT DÂN DỤNG	554,01	76,44
1	Đất đơn vị ở	240,19	33,14
1.1	- Đất hiện trạng cải tạo chỉnh trang	186,14	
1.2	- Đất hiện trạng ven sông	2,30	
1.3	- Đất đơn vị ở mới	51,75	
2	Đất công trình công cộng, dịch vụ	85,14	11,75
2.1	- Đất giáo dục	84,46	
2.2	- Đất y tế	0,34	
2.3	- Đất công trình thương mại - dịch vụ đô thị khác	0,34	
3	Đất hỗn hợp	90,17	12,44
4	Đất công viên cây xanh, thể dục thể thao	22,69	3,13
5	Đất giao thông	115,82	15,98
II	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	170,82	23,56
1	Đất kho tàng, bến bãi, dịch vụ cảng	69,97	9,65
2	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	15,29	2,11
3	Đất tôn giáo	10,16	1,40
4	Đất an ninh - quốc phòng	1,97	0,27
5	Đất cây xanh cách ly	10,49	1,45
6	Đất giao thông ngoài dân dụng	62,94	8,68
B	ĐẤT KHÁC	770,28	
1	Đất mặt nước chuyên dụng	35,39	
2	Đất dự trữ	734,89	
Tổng cộng:		1.495,11	

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Chuẩn bị kỹ thuật:

a. San nền:

- Cao độ san lấp thiết kế của khu vực quy hoạch $\geq +1,80\text{m}$.
- Hướng dốc san nền chính tận dụng theo địa hình tự nhiên dốc về các sông, kênh, rạch hiện hữu.

b. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

Khu vực quy hoạch được phân thành 09 lưu vực thoát nước. Sử dụng hệ thống cống tròn bê tông cốt thép tiết diện từ D800 đến D1200 để thoát nước; hệ thống cửa xả bố trí thoát ra các kênh, sông, rạch tự nhiên gần nhất (như: kênh Phú Hữu Bãi Xàu, sông Mỹ Xuyên, kênh Cống Quay, kênh Tắc Bướm, rạch Chà Và, rạch Bà Thủy, kênh Tiếp Nhật và một số kênh rạch nhỏ khác) theo từng lưu vực thoát nước.

6.2. Giao thông:

a. Giao thông đối ngoại:

*** Đường bộ:**

- Đường tỉnh 934 cũ (đường Lê Hồng Phong nối dài): Là cầu nối giao thông của thành phố Sóc Trăng với trung tâm thị trấn Mỹ Xuyên, được nâng cấp mở rộng lộ giới 24m, chiều rộng mặt đường 12m, vỉa hè mỗi bên 6m.

- Đường huyện 56: Kết nối Đường tỉnh 934 cũ tạo thành trục Bắc Nam của khu vực quy hoạch, có vai trò kết nối và giao thương từ thành phố Sóc Trăng đến Dù Tho và vùng kinh tế trọng điểm Tôm - Lúa, được nâng cấp mở rộng lộ giới 20m, chiều rộng mặt đường 12m, vỉa hè mỗi bên 4m.

- Đường An Dương Vương (hướng đi phường 10 và ngã 3 Trà Tim): Được nâng cấp mở rộng có lộ giới 32,5m, chiều rộng mặt đường mỗi bên 11,25m, vỉa hè 3,5m, dây phân cách 3m.

- Đường Triệu Nương - Đường tỉnh 934 (hướng huyện Trần Đề): Là trục Đông - Tây, kết nối từ thị trấn đến huyện Trần Đề và thị xã Vĩnh Châu sẽ được nâng cấp mở rộng lộ giới 24m, chiều rộng mặt đường rộng 12m, vỉa hè mỗi bên 6m.

- Tuyến đường vành đai (Đường D1 và Đường N6): Đây là tuyến giao thông quan trọng nhằm giảm áp lực giao thông vào vùng lõi đô thị hiện hữu, góp phần nâng cao năng lực vận tải của hệ thống giao thông khu vực quy hoạch.

- Tuyến Đường D7, Đường D8: Đây là trục giao thông, đồng thời là trục cảnh quan ven sông theo định hướng quy hoạch chung của thành phố Sóc Trăng, được quy hoạch mới với lộ giới 24m, chiều rộng mặt đường rộng 14m, vỉa hè mỗi bên 5m.

*** Đường thủy:**

- Sông Saintard - kênh Phú Hữu Bãi Xàu, là tuyến giao thông thủy thuộc tuyến sông, kênh quốc gia đạt cấp III đường thủy quốc gia, đây là tuyến sông có vai trò vận tải đường thủy quan trọng của khu vực, nối kết với hệ thống các Cảng (như Cảng nước sâu, cảng Trần Đề, cảng Đại Ngãi thông qua sông Hậu; cảng sông thành phố Sóc Trăng ...).

- Bên cạnh đó, khu vực quy hoạch còn có một số tuyến sông, kênh với bề rộng từ 20m đến 40m; vừa đóng vai trò giao thông thủy đến các vùng sản xuất nông nghiệp vừa đảm bảo chức năng thủy lợi, tưới tiêu và thoát nước (như sông Mỹ Xuyên, kênh Tiếp Nhật, kênh Tài Công, kênh An Nô, kênh Tắc Bướm, ...).

b. Giao thông đối nội:

Mạng lưới đường đô thị được hình thành trên cơ sở mạng lưới hỗn hợp, sử dụng mạng lưới ô cờ kết hợp với các tuyến đường vành đai và hệ trục dọc (hướng

Bắc - Nam) và trục ngang (hướng Đông - Tây). Tuyến đường vành đai và các tuyến nhánh tạo thành mạng lưới giao thông đô thị thông suốt, đảm bảo kết nối thuận tiện các khu vực chức năng của đô thị với nhau, bao gồm:

- Đường đô thị: Ngoài các trục đường đô thị hiện trạng như đường Lê Lợi (lộ giới 22m), đường Triệu Nương (lộ giới 24m), đường Lý Thường Kiệt (lộ giới 11m); đường Trần Hưng Đạo (lộ giới 13m). Quy hoạch nâng cấp hoặc mở mới các trục đường đóng vai trò trục khung của đô thị như: đường Lê Lợi nối dài (Đường N2, lộ giới 22m), Đường D3 (lộ giới 24m), Đường N5 (lộ giới 15m), đường Huỳnh Văn Chính (lộ giới 15m).

- Đường khu vực đô thị: Là các tuyến giao thông liên kết các khu vực đô thị với nhau hoặc giữa các khu chức năng của đô thị, có lộ giới 13m ÷ 15m.

- Đường cấp nội bộ: Là các tuyến liên hệ bên trong các khu ở, khu công cộng, các khu chức năng khác, có lộ giới 8m ÷ 12m.

BẢNG THỐNG KÊ GIAO THÔNG

STT	TÊN ĐƯỜNG	LÒNG ĐƯỜNG (m)	DÀI PHÂN CÁCH (m)	VỈA HÈ (m)	LỘ GIỚI (m)
A. ĐƯỜNG GIỮ THEO HIỆN TRẠNG					
1	Đường Lê Lợi	12	0	5-5	22
2	Đường Lý Thường Kiệt	5	0	3 - 3	11
3	Đường Nguyễn Tri Phương	5	0	2,5 - 2,5	10
4	Đường Phan Đình Phùng	5	0	2 - 2	9
5	Đường Hoàng Diệu	5	0	2 - 2	9
6	Đường Trưng Vương	5	0	2 - 2	9
7	Đường Đoàn Minh Bầy	4,5	0	1,5 - 1,5	7,5
8	Đường Văn Ngọc Tố	4,5	0	1,5 - 1,5	7,5
B. ĐƯỜNG NÂNG CẤP, MỞ RỘNG					
1	Đường tỉnh 934 cũ (Đường Lê Hồng Phong nối dài)	12	0	6 - 6	24
2	Đường Triệu Nương - Đường tỉnh 934	12	0	6 - 6	24
3	Đường An Dương Vương	11,25 - 11,25	3	3,5 - 3,5	32,5
4	Đường huyện 56	12	0	4 - 4	20
5	Đường Trần Hưng Đạo	7	0	3 - 3	13
		12	0	6 - 6	24
6	Đường Ngô Quyền	6	0	2 - 2	10
7	Đường Phan Bội Châu	4	0	2 - 2	8
8	Đường Nguyễn Thái Học	4	0	2 - 2	8
9	Đường Phan Chu Trinh	4	0	2 - 2	8
10	Đường Phan Thanh Giản	4	0	2 - 2	8
11	Đường Kênh Cống Quay	7	0	4 - 4	15
12	Đường Thầy Cùi	6	0	3 - 3	12
13	Đường D4	4	0	2 - 2	8

14	Đường D5	6	0	3 - 3	12
15	Đường D9	6	0	3 - 3	12
16	Đường D12	4	0	2 - 2	8
17	Đường Huỳnh Văn Chính	7	0	4 - 4	15
18	Đường N3	4	0	2 - 2	8
C. ĐƯỜNG QUY HOẠCH MỚI					
1	Đường D1	3,5 - 3,5	7	5 - 5	24
2	Đường D2	6	0	3 - 3	12
3	Đường D3	14	0	5 - 5	24
4	Đường D6	6	0	3 - 3	12
5	Đường D7	14	0	5 - 5	24
6	Đường D8	14	0	5 - 5	24
7	Đường D10	7	0	3 - 3	13
8	Đường D11	7	0	3 - 3	13
9	Đường N1	14	0	5 - 5	24
10	Đường N2	12	0	5 - 5	22
11	Đường N4	6	0	3 - 3	12
12	Đường N5	7	0	4 - 4	15
13	Đường N6	7,5 - 7,5	3	6 - 6	30
14	Đường N7	6	0	3 - 3	12
15	Đường N8	7	0	3 - 3	13

6.3. Cấp nước:

- Lưu lượng nước cấp: Tổng nhu cầu cấp nước cho khu quy hoạch được dự báo là 8.106 m³/ngày - đêm.

- Nguồn cấp:

+ Trong giai đoạn ngắn hạn tiếp tục sử dụng nguồn nước từ các trạm cấp nước hiện hữu, bao gồm: Xí nghiệp cấp nước nằm trên đường Lê Lợi có công suất 3.920 m³/ngày - đêm và Trạm cấp nước Mỹ Xuyên nằm đường Cống Quay được nâng cấp đạt công suất 4.100 m³/ngày - đêm.

+ Về lâu dài sẽ sử dụng kết hợp hoặc chuyển dần sang sử dụng nguồn nước mặt từ dự án cấp nước mặt của vùng đồng bằng Sông Cửu Long dự kiến đầu nối theo hệ thống ống cấp trên đường Lê Hồng Phong.

- Hệ thống ống cấp: Sử dụng hệ thống ống (tiết diện Φ300, Φ200 và Φ110...) bố trí theo mạng hỗn hợp (kết hợp giữa mạng vòng và mạng cụt) theo các trục đường giao thông để cấp nước cho toàn khu quy hoạch.

6.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải:

- Lưu lượng nước thải: Tổng lưu lượng nước thải của khu quy hoạch là 5.121 m³/ngày - đêm, bao gồm:

+ Nước thải sinh hoạt dự báo là 4.449 m³/ngày - đêm.

+ Nước thải khu kho tàng, bến bãi và dịch vụ cảng dự báo là 672 m³/ngày - đêm.

- Giải pháp thoát nước:

+ Đối với các khu đã có hệ thống thoát nước chung: Xây dựng hệ thống công bao, giếng tách thu gom nước thải về trạm xử lý, kết hợp với việc cải tạo, nâng cấp đường ống.

+ Đối với các khu vực xây mới: Quy hoạch và đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng với nước thải.

+ Khu kho tàng, bến bãi và dịch vụ cảng được xây dựng hệ thống mạng lưới thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải riêng.

+ Trạm xử lý: Trước mắt sử dụng giải pháp xử lý nước thải theo hình thức phi tập trung, ưu tiên xử lý nước thải cục bộ cho các khu chức năng thuộc khu vực trung tâm hiện hữu. Về lâu dài, sử dụng kết hợp các trạm xử lý phi tập trung và trạm xử lý tập trung theo định hướng của đề án quy hoạch chung thành phố Sóc Trăng để thu gom và xử lý toàn bộ nước thải của khu vực quy hoạch.

b. Chất thải rắn:

- Dự báo khối lượng chất thải phát sinh: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 31,42 tấn/ngày - đêm.

- Giải pháp thu gom: Chất thải rắn được thu gom bằng xe chuyên dụng vận chuyển đến nơi tập kết sau đó được vận chuyển đến khu liên hợp xử lý chất thải rắn - cấp 1 của thành phố Sóc Trăng và vùng phụ cận.

c. Nghĩa trang:

Đất nghĩa địa tự phát trong khu vực nghiên cứu trực tiếp được định hướng cải tạo hoặc chuyển đổi công năng sử dụng và từng bước di dời sang khu nghĩa trang nhân dân theo quy hoạch của thành phố Sóc Trăng và các xã lân cận; nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường và cải thiện cảnh quan đô thị cho vùng lõi trung tâm hiện hữu. Các khu nghĩa địa còn lại được quản lý theo hiện trạng không để phát sinh, mở rộng và có giải pháp cải tạo về hạ tầng và trồng cây xanh đảm bảo về yêu cầu môi trường. Có kế hoạch đầu tư xây dựng hoặc kêu gọi đầu tư nghĩa trang nhân dân mới theo định hướng của quy hoạch tỉnh để đáp ứng yêu cầu trong tương lai.

6.5. Cấp điện:

- Tính toán phụ tải điện: Dự báo nhu cầu phụ tải điện của khu quy hoạch là 31.003kW.

- Nguồn điện: Nguồn điện tại khu vực sẽ được lấy tại đường dây 22kV theo mạng lưới quốc gia trên các trục đường hiện trạng trong khu quy hoạch.

- Hệ thống chiếu sáng được thiết kế cho toàn bộ đường giao thông đô thị, các khu công viên cây xanh và khu công cộng.

7. Danh mục dự án, công trình xây dựng ưu tiên đầu tư trong khu vực quy hoạch:

* Về hệ thống giao thông:

- Nâng cấp, cải tạo các trục đường như đường An Dương Vương - đường Triệu Nương - Đường tỉnh 934; đường Trần Hưng Đạo; đường Huỳnh Văn Chính; đường Thầy Cùi - Đường D5 - Đường D4: Nguồn vốn ngân sách hoặc kết hợp nguồn vốn kêu gọi đầu tư.

- Đầu tư xây dựng mới các tuyến đường tạo thành khung giao thông đô thị như Đường D3, Đường D7, Đường D8, Đường N2, Đường N5, đường vành đai (Đường D1 - Đường N6): Nguồn vốn kêu gọi đầu tư, hoặc sử dụng kết hợp nguồn vốn ngân sách.

* Về các khu chức năng:

- Dự án khu đô thị giáo dục cấp tỉnh: Nguồn vốn kêu gọi đầu tư.

- Các công trình dịch vụ đô thị tại các khu chức năng hỗn hợp dọc theo Đường D1, Đường N5: Nguồn vốn ngân sách kết hợp kêu gọi đầu tư, vốn từ các tổ chức cá nhân.

- Khu công viên cây xanh kết hợp thể dục thể thao trên đường Thầy Cù: Nguồn vốn ngân sách kết hợp với kêu gọi đầu tư.

- Cải tạo, nâng cấp các khu ở hiện trạng, kêu gọi đầu tư các khu ở mới: Nguồn vốn kêu gọi đầu tư, vốn từ các tổ chức, cá nhân.

- Khu kho tàng, bến bãi và dịch vụ cảng: Nguồn vốn kêu gọi đầu tư.

Điều 2.

1. Giao Sở Xây dựng phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch theo Biên bản thẩm định, đồng thời cung cấp đầy đủ hồ sơ cho địa phương và các đơn vị liên quan theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch này theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi Trường, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: XD, VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Chuyên